CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Áp dụng từ khóa 2018)

Tên ngành: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT

STT	Mã MH	Tên môn học, học phần	Số TC	Thời gian học tập (Tiết)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
HỌC KỲ I: 15 TÍN CHỈ							
Học phần bắt buộc			**15**				
1	226020	Pháp luật đại cương	2				
2	229100	Tin học	2				
3	224003/ 200001	Anh văn 1/Tiếng Nhật 1	3				
4	228225	Nhập môn công nghệ nhiệt lạnh	2				
5	228226	Nhiệt động lực học kỹ thuật	3				
6	228076	Truyền nhiệt	3				
HỌC KỲ II: 17 TÍN CHỈ (Không tính học phần GDTC)							
Học phần bắt buộc			**15**				
7	224004/ 200002	Anh văn 2/Tiếng Nhật 2	3				
8	222033	Toán ứng dụng A	3				
9	228033	Kỹ thuật sấy	2				
10	228218	Kỹ thuật lạnh	3				
11	228265	Bơm quạt máy nén	2				
12	228119	Thực tập lạnh cơ bản	2				
Học phần tự chọn			**2**				
13.1	226035	Soạn thảo văn bản	2				
13.2	222013	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2				
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**				
14.1	234002	Bóng chuyền 1	2				
14.2	234006	Bóng đá 1	2				
14.3	234007	Bóng rổ 1	2				
14.4	234008	Cầu lông 1	2				
14.5	234009	Aerobic 1	2				
HỌC KỲ III: 17 TÍN CHỈ (Không tính học phần GDTC)							
Học phần bắt buộc			**15**				

15	224016/ 200003	Anh văn 3/Tiếng Nhật 3	3				
16	223006	Chính trị 1	3				
17	228212	Điều hòa không khí và thông gió	3				
18	228158	Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh	3				
19	228267	Thực tập lạnh dân dụng	3				
Học phần tự chọn			**2**				
20.1	222017	Tiếng Việt thực hành B	2				
20.2	226017	Môi trường và con người	2				
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**				
21.1	234003	Bóng chuyền 2	2				
21.2	234010	Bóng đá 2	2				
21.3	234011	Bóng rổ 2	2				
21.4	234013	Cầu lông 2	2				
21.5	234014	Aerobic 2	2				
HỌC KỲ IV: 15 Tín chỉ (Không tính học phần GDQP)							
Học phần bắt buộc			**13**				
22	234012	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	5				
23	228032	Kỹ thuật lạnh ứng dụng	3				
24	228266	Thiết bị trao đổi nhiệt	2				
25	228208	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ngành nhiệt lạnh)	1				
26	228187	Lý thuyết vận hành sửa chữa hệ thống lạnh	2				
27	228210	Công nghệ vật liệu và an toàn hệ thống nhiệt lạnh	2				
28	228270	Thực tập lắp ráp điều khiển điện hệ thống lạnh.	3				
Học phần tự chọn			**2**				
29.1	228105	Năng lượng tái tạo	2				
29.2	228243	Tính toán thiết kế hệ thống lạnh công nghiệp	2				
29.3	228217	Hệ thống điều hòa không khí VRV	2				
HỌC KỲ V: 15 Tín chỉ (không tính học phần Kỹ năng mềm)							
Học phần bắt buộc			**14**				
30	228126/ 200004	Anh văn chuyên ngành nhiệt lạnh/Tiếng Nhật 4	2				
31	222035	Kỹ năng mềm	2				
32	223007	Chính trị 2	3				
33	228223	Lò hơi	2				

34	228268	Thực tập lắp ráp sửa chữa hệ thống điều hòa không khí	3				
35	228269	Thực tập vận hành sửa chữa hệ thống lạnh công nghiệp	3				
36	228013	Đồ án máy lạnh	1				
Học phần tự chọn			**2**				
37.1	228209	Công nghệ bơm nhiệt và ứng dụng	2				
37.2	228242	Tiết kiệm năng lượng trong các hệ thống nhiệt lạnh	2				
37.3	228244	Tính toán thiết kế hệ thống điều hòa không khí	2				
HỌC KỲ VI: 10 TÍN CHỈ							
Học phần bắt buộc			**5**				
38	228249	Thực tập tốt nghiệp (Nhiệt lạnh)	5				
Học phần tự chọn			**5**				
39	228102	Khóa luận tốt nghiệp (Nhiệt lạnh)	5				
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp							
40.1	228200	Chuyên đề công nghệ lạnh	3				
40.2	228234	Thực tập lạnh nâng cao	2				